

Tháng Bảy Âm lịch: Từ "tháng cô hồn" đến tháng " đức hiếu sinh"

ISSN: 2734-9195 09:05 12/08/2026

Tháng Bảy Âm lịch vì thế không chỉ là một dấu mốc trong chu kỳ lễ tục truyền thống, mà còn là dịp để suy ngẫm về mối quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo, giữa truyền thống và giáo lý, giữa niềm tin và trí tuệ.

Mở đầu

Trong hệ thống tín ngưỡng truyền thống của người Việt, tháng Bảy Âm lịch là một mốc thời gian mang nhiều tầng ý nghĩa. Đây vừa là thời điểm diễn ra nhiều nghi lễ dân gian liên quan đến tổ tiên và người đã khuất, vừa gắn với lễ Vu Lan - một trong những ngày lễ quan trọng của Phật giáo Bắc truyền.

Qua quá trình tiếp biến văn hóa qua nhiều thế kỷ, những lớp nghĩa khác nhau của tháng Bảy dần đan xen, khiến các yếu tố thuộc tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo và Phật giáo nhiều khi không còn được phân biệt một cách rạch ròi trong nhận thức xã hội.



Một trong những biểu hiện rõ nét của hiện tượng này là sự phổ biến của quan niệm về "tháng cô hồn". Theo cách hiểu khá phổ biến hiện nay, tháng Bảy được xem là khoảng thời gian mà các vong linh được trở về dương thế; vì vậy, nhiều hoạt động như cưới hỏi, động thổ, khai trương, mua bán tài sản hoặc khởi sự công việc lớn thường được trì hoãn nhằm tránh những điều được cho là bất lợi.

Các nghi thức cúng cô hồn, cúng chúng sinh, cầu an, giải hạn xuất hiện với tần suất dày đặc trong đời sống tín ngưỡng của một bộ phận người dân.

Điều cần lưu ý là không ít quan niệm trong số đó lại được mặc nhiên xem là giáo lý của Phật giáo. Trong diễn ngôn phổ thông, các khái niệm như "tháng cô hồn", "xá tội vong nhân" và "Vu Lan" thường được sử dụng thay thế cho nhau, tạo nên nhận thức rằng tất cả đều có cùng nguồn gốc và đều xuất phát từ lời dạy của đức Phật.

Trên thực tế, đây là ba hiện tượng có lịch sử hình thành, nền tảng tư tưởng và chức năng văn hóa khác nhau. Việc đồng nhất chúng không chỉ làm sai lệch nội hàm của từng truyền thống mà còn dẫn đến nhiều cách thực hành xa rời tinh thần của Phật giáo.

Xét từ góc độ nghiên cứu văn hóa, sự đan xen ấy là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến và bản địa hóa giữa các hệ thống tín ngưỡng trong khu vực Á Đông. Trong khi đó, từ phương diện tôn giáo học, việc nhận diện ranh giới giữa tín ngưỡng dân gian và giáo lý Phật giáo là yêu cầu cần thiết nhằm tránh tình trạng diễn giải giáo pháp thông qua lăng kính của những tập tục hình thành trong lịch sử xã hội.

Chỉ khi đặt mỗi hiện tượng vào đúng bối cảnh lịch sử và hệ quy chiếu của nó, mới có thể lý giải chính xác ý nghĩa của tháng Bảy trong đời sống tinh thần của người Việt.

Đối với Phật giáo, tháng Bảy không phải là "tháng xui rủi" hay thời điểm con người phải sống trong tâm lý lo sợ trước thế giới vô hình. Trái lại, đây là mùa của hiếu đạo và tri ân, gắn với lễ Vu Lan báo hiếu và lễ Tự tứ của chư Tăng sau ba tháng an cư kiết hạ. Trọng tâm của các sự kiện này không phải là sự sợ hãi trước các thế lực siêu nhiên, mà là nuôi dưỡng lòng biết ơn, thực hành thiện nghiệp, hộ trì Tam bảo và hồi hướng công đức cho cha mẹ cùng tất cả chúng sinh.

Từ những vấn đề trên, bài viết tập trung tìm hiểu nguồn gốc của quan niệm "tháng cô hồn", phân tích sự hình thành của tục xá tội vong nhân trong bối cảnh

văn hóa Á Đông, đồng thời đối chiếu với giáo lý Phật giáo nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa các truyền thống.

Tín ngưỡng dân gian về "tháng cô hồn"

Trong đời sống văn hóa của nhiều quốc gia Á Đông, tháng Bảy Âm lịch gắn với nghi lễ dành cho người đã khuất. Tuy nhiên, cách gọi "tháng cô hồn" không phải là một thuật ngữ của Phật giáo, cũng không xuất hiện trong kinh điển Phật giáo nguyên thủy hay Đại thừa. Đây chủ yếu là một khái niệm được hình thành trong tín ngưỡng dân gian, phản ánh quan niệm của cộng đồng về mối quan hệ giữa thế giới hữu hình và thế giới vô hình.

Từ góc độ lịch sử tôn giáo, quan niệm này chịu ảnh hưởng của nhiều lớp văn hóa khác nhau. Trong đó, đáng chú ý nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng linh hồn của cư dân nông nghiệp và tư tưởng Đạo giáo tại Trung Hoa. Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa đã khiến những yếu tố này lan truyền sang Việt Nam, rồi hòa nhập với tín ngưỡng bản địa để hình thành nên hệ thống nghi lễ phong phú vào tháng Bảy Âm lịch.

Trong dân gian Trung Hoa, từ thời Nam Bắc triều trở về sau, đã xuất hiện quan niệm cho rằng ngày Rằm tháng Bảy là thời điểm diễn ra lễ **Trung Nguyên** (中元節). Theo truyền thống Đạo giáo, đây là ngày **Địa Quan** (地官) - một trong Tam Quan giám hạ để xét công, ghi tội và ban ân xá cho các vong linh. Từ đó hình thành cách gọi "**Trung Nguyên xá tội**" (中元赦罪), về sau được diễn giải rộng thành quan niệm "xá tội vong nhân". Đây là tư tưởng thuộc hệ thống tín ngưỡng Đạo giáo, không phải giáo lý được thiết lập trong kinh điển Phật giáo.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Quan niệm về "tháng cô hồn" cũng cần được đặt trong tiến trình giao thoa văn hóa. Theo cách tiếp cận của GS. Trần Quốc Vượng, văn hóa Việt Nam không phải là một hệ thống khép kín mà luôn hình thành và biến đổi thông qua sự tương tác giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Trong quá trình ấy, nhiều nghi lễ có nguồn gốc khác nhau đã được cộng đồng tiếp nhận, điều chỉnh và tái diễn giải để phù hợp với bối cảnh văn hóa Việt Nam. Bởi vậy, việc trong cùng một thời điểm tồn tại lễ Vu Lan của Phật giáo, lễ Trung Nguyên của Đạo giáo và các nghi thức cúng chúng sinh trong dân gian là hệ quả tự nhiên của quá trình giao thoa văn hóa, chứ không phải bằng chứng cho thấy các truyền thống này có cùng một nền tảng tư tưởng.

Ở Việt Nam, quan niệm về "tháng cô hồn" tiếp tục được mở rộng thông qua kinh nghiệm dân gian. Theo đó, tháng Bảy được xem là khoảng thời gian cần hạn chế những công việc trọng đại như dựng vợ gả chồng, động thổ, khai trương hay mua sắm tài sản có giá trị lớn. Nhiều điều kiêng kỵ cũng được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, mặc dù phần lớn không có cơ sở trong các hệ thống kinh điển tôn giáo.

Dưới góc nhìn nhân học tôn giáo, hiện tượng này phản ánh nhu cầu tìm kiếm cảm giác an toàn trước những bất định của cuộc sống hơn là sự xác lập một chân lý tín ngưỡng. Trong xã hội truyền thống, khi khoa học chưa phát triển, con người thường lý giải thiên tai, bệnh tật hay những biến cố khó dự đoán bằng các quan niệm siêu nhiên. Những điều kiêng kỵ vì thế trở thành một cơ chế tâm lý giúp cộng đồng giảm bớt cảm giác bất an trước tương lai. Chính vì vậy, nhiều tập tục được duy trì qua nhiều thế hệ mà không nhất thiết phải dựa trên một nền tảng giáo lý hay chứng cứ lịch sử cụ thể.

Điều cần nhấn mạnh là nghiên cứu văn hóa không đồng nghĩa với việc phủ nhận giá trị của tín ngưỡng dân gian. Mỗi tập tục đều chứa đựng những giá trị lịch sử và phản ánh tâm thức của cộng đồng trong một giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, việc tôn trọng tín ngưỡng dân gian không có nghĩa là đồng nhất tín ngưỡng với giáo lý tôn giáo. Đây là nguyên tắc phương pháp luận quan trọng trong nghiên cứu văn hóa và tôn giáo. Chỉ khi xác lập được ranh giới giữa các hệ thống tư tưởng khác nhau, mới có thể nhận diện chính xác bản chất của từng hiện tượng và tránh tình trạng diễn giải giáo lý Phật giáo bằng những quan niệm vốn được hình thành từ tín ngưỡng dân gian hoặc Đạo giáo.

"Xá tội vong nhân" và quá trình tiếp biến văn hóa

Trong diễn ngôn phổ biến hiện nay, "xá tội vong nhân" gần như đã trở thành cách gọi quen thuộc của ngày rằm tháng Bảy âm lịch. Tuy nhiên, xét từ góc độ

lịch sử tôn giáo, đây không phải là một thuật ngữ của Phật giáo. Khái niệm này cần được đặt trong bối cảnh hình thành của Đạo giáo và tiến trình giao lưu giữa các truyền thống tín ngưỡng tại khu vực Đông Á.

Theo thư tịch Đạo giáo, từ khoảng thời Nam Bắc triều đến đời Đường, hệ thống tín ngưỡng **Tam Quan** (Thiên Quan, Địa Quan và Thủy Quan) dần được định hình. Trong đó, **Địa Quan** được xem là vị thần cai quản cõi đất, có chức năng khảo xét thiện ác và ban ân xá. Quan niệm này được ghi nhận trong nhiều kinh điển Đạo giáo, tiêu biểu là 太上三元賜福赦罪解厄消災延生保命妙經 (Thái Thượng Tam Nguyên Tứ Phúc Xá Tội Giải Ách Tiêu Tai Diên Sinh Bảo Mệnh Diệu Kinh), thường được gọi là **三官經 (Tam Quan Kinh)**, trong đó có đoạn:

□ 天官賜福□ 地官赦罪□ 水官解厄□□

Nghĩa là:

"Thiên Quan ban phúc, Địa Quan xá tội, Thủy Quan giải ách".

Đây là một trong những nền tảng hình thành quan niệm **Trung Nguyên xá tội** (中元赦罪), tức ngày Địa Quan giáng hạ để xét công, ghi tội và ban ân xá. Điều đáng lưu ý là đối tượng của sự "xá tội" trong hệ thống tư tưởng này không chỉ giới hạn ở người đã khuất, mà phản ánh niềm tin của Đạo giáo về quyền năng của Tam Quan trong việc điều hòa trật tự giữa trời, đất và con người.

Về sau, cùng với sự phát triển của lễ **Trung Nguyên** (中元節), quan niệm "Địa Quan xá tội" được dân gian diễn giải theo hướng gần gũi hơn với đời sống tín ngưỡng, hình thành cách hiểu rằng đây là thời điểm các cô hồn, vong linh hoặc những người chết không nơi nương tựa được thụ hưởng sự ân xá. Chính trong quá trình dân gian hóa này, cách gọi **"xá tội vong nhân"** dần trở nên phổ biến và được truyền bá rộng rãi trong nhiều cộng đồng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Khi du nhập vào Việt Nam, lễ Trung Nguyên tiếp tục tương tác với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần linh và phong tục cúng chúng sinh vốn đã tồn tại từ lâu trong đời sống cư dân nông nghiệp. Kết quả của quá trình giao thoa ấy là sự hình thành một không gian nghi lễ đa tầng, trong đó các yếu tố của Đạo giáo, Phật giáo và tín ngưỡng dân gian cùng hiện diện trong tháng Bảy Âm lịch.

Đây là ví dụ điển hình cho hiện tượng tiếp biến văn hóa, khi những truyền thống có nguồn gốc khác nhau được cộng đồng tiếp nhận, điều chỉnh và tái diễn giải để phù hợp với bối cảnh văn hóa bản địa.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa **sự giao thoa nghi lễ** và **sự đồng nhất giáo lý**. Việc nhiều truyền thống cùng lựa chọn thời điểm Rằm tháng Bảy để cử hành nghi lễ không đồng nghĩa với việc chúng có cùng cơ sở tư tưởng. Trong nghiên cứu tôn giáo, sự trùng hợp về thời gian hành lễ không phải là căn cứ để quy các truyền thống khác nhau về cùng một hệ thống giáo lý.

Đối chiếu với kinh điển Phật giáo cho thấy không có bản kinh nào ghi nhận rằng đức Phật tuyên thuyết về một ngày gọi là "xá tội vong nhân", cũng không có nội dung nào nói rằng vào tháng Bảy Âm lịch, cửa địa ngục được mở để các vong linh trở về dương thế. Các bộ kinh liên quan đến lễ Vu Lan, tiêu biểu là *Kinh Vu Lan Bồn* (盂蘭盆經), tập trung vào đạo hiếu, công đức cúng dường chư Tăng sau mùa an cư và sự hồi hướng phước báu cho cha mẹ nhiều đời.

Nội dung trọng tâm của kinh không nằm ở việc "xá tội", mà ở nguyên lý nghiệp báo, sự chuyển hóa bằng công đức và sức thanh tịnh của Tăng đoàn.

Điều này cho thấy, nếu khái niệm "xá tội vong nhân" phản ánh niềm tin vào sự ân xá từ một đấng có quyền năng siêu nhiên, thì giáo lý Phật giáo lại đặt trọng tâm vào quy luật nhân quả và nghiệp báo. Trong Phật giáo, không có một chủ thể toàn năng nào có thể xóa bỏ nghiệp của người khác bằng ý chí tuyệt đối. Sự chuyển hóa chỉ có thể thành tựu khi hội đủ các điều kiện của thiện nghiệp, tâm thức và công đức hồi hướng. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa hai hệ thống tư tưởng, đồng thời cũng là chìa khóa để lý giải vì sao không nên đồng nhất "xá tội vong nhân" với giáo lý Vu Lan của Phật giáo.

Nhận diện đúng nguồn gốc của khái niệm "xá tội vong nhân" không nhằm phủ nhận giá trị của một tập tục văn hóa đã tồn tại lâu đời, mà để trả mỗi hiện tượng về đúng bối cảnh lịch sử và hệ quy chiếu tư tưởng của nó. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể hiểu đúng ý nghĩa của tháng Bảy âm lịch trong truyền thống Phật giáo cũng như trong đời sống văn hóa của người Việt.

Tháng Bảy từ quan niệm về "cô hồn" đến tinh thần hiếu đạo và báo ân

Nếu đặt tháng Bảy Âm lịch trong hệ quy chiếu của Phật giáo, có thể nhận thấy nội hàm của tháng này khác biệt đáng kể so với quan niệm phổ biến về "tháng cô hồn".

Trong toàn bộ hệ thống kinh điển Phật giáo, không có khái niệm nào cho rằng tháng Bảy là "tháng của ma quỷ", cũng không có giáo lý nào khuyến khích con người sống trong tâm lý sợ hãi vì cho rằng đây là thời điểm các thế lực vô hình

chi phối đời sống thế gian. Trái lại, những sự kiện quan trọng của tháng Bảy đều quy hướng về đạo hiếu, sự thanh tịnh của Tăng đoàn và việc vun bồi thiện nghiệp.

Vu Lan - từ câu chuyện Mục Kiền Liên đến triết lý báo ân

Lễ Vu Lan có nguồn gốc từ *Kinh Vu Lan Bồn* (盂蘭盆經), kể về việc Tôn giả Maudgalyāyana (Mục Kiền Liên), sau khi chứng đắc thần thông, quán sát và thấy mẹ mình là bà Thanh Đề đang chịu quả báo trong cảnh giới ngạ quỷ vì những nghiệp bất thiện đã tạo khi còn sinh tiền. Dù sở hữu thần lực bậc nhất trong hàng Thanh văn, ngài vẫn không thể tự mình cứu mẹ thoát khỏi nghiệp báo.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Chi tiết này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giáo lý Phật giáo, khẳng định rằng thần thông không thể thay thế quy luật nhân quả; ngay cả một vị đại đệ tử của đức Phật cũng không thể dùng quyền năng cá nhân để xóa bỏ nghiệp lực của người khác. Trước hoàn cảnh ấy, đức Phật chỉ dạy Mục Kiền Liên nhân ngày chư Tăng mãn hạ, sau ba tháng an cư kiết hạ, thành tâm cúng dường Tăng đoàn thanh tịnh và hồi hướng công đức cho cha mẹ hiện đời, cha mẹ bảy đời cùng nhiều đời nhiều kiếp. Chính sự hòa hợp và thanh tịnh của Tăng đoàn, kết hợp với tâm hiếu và thiện nghiệp của người còn sống, mới tạo nên nhân duyên chuyển hóa.

Điểm cốt lõi của kinh Vu Lan vì vậy không phải là một phép màu cứu độ vô điều kiện, mà là sự vận hành của nhân quả trong mối quan hệ giữa tự lực, tha lực và công đức. Đó cũng là lý do lễ Vu Lan được xem là ngày hội của lòng hiếu kính

hơn là một nghi thức mang tính cầu xin hay giải trừ tai họa.

Lễ Tự tứ - nền tảng lịch sử của mùa Vu Lan

Một sự kiện khác thường ít được công chúng chú ý nhưng lại có ý nghĩa nền tảng trong truyền thống Phật giáo là lễ **Tự tứ** (Pravāraṇā). Theo luật Phật giáo, sau ba tháng an cư kiết hạ, chư Tăng tập hợp để thực hiện nghi thức tự tứ, nghĩa là mỗi vị tự nguyện thỉnh cầu đại chúng chỉ ra những điều mình còn thiếu sót trong thân, khẩu, ý nhằm tiếp tục hoàn thiện đời sống phạm hạnh.

Các bộ luật như *Tứ phần luật* (四分律), *Thập tụng luật* (十誦律) và *Ngũ phần luật* (五分律) đều ghi nhận nghi thức này như một sinh hoạt quan trọng của Tăng đoàn. Tự tứ không chỉ đánh dấu sự viên mãn của một mùa an cư mà còn biểu hiện tinh thần hòa hợp, thanh tịnh và tự phản tỉnh, những giá trị cốt lõi trong đời sống tăng già.

Chính vì chư Tăng vừa hoàn thành ba tháng chuyên tâm tu học, giới - định - tuệ được tăng trưởng nên truyền thống Phật giáo xem đây là thời điểm thích hợp để hàng cư sĩ phát tâm cúng dường Tam bảo và hồi hướng công đức đến cha mẹ, thân quyến cùng tất cả chúng sinh. Nói cách khác, ý nghĩa của ngày rằm tháng Bảy trước hết gắn với sự viên mãn của đời sống tu tập trong Tăng đoàn, rồi từ đó mở rộng thành tinh thần báo ân trong cộng đồng Phật tử.

Từ "xá tội" đến nhân quả: Sự khác biệt về nền tảng tư tưởng

Khi đối chiếu với quan niệm "xá tội vong nhân", có thể nhận thấy sự khác biệt căn bản giữa hai hệ thống tư tưởng.

Trong Đạo giáo, "xá tội" được hiểu là sự ân xá của Địa Quan đối với các vong linh theo một thời điểm nhất định trong chu kỳ nghi lễ. Trong khi đó, Phật giáo không thừa nhận sự tồn tại của một đấng có quyền năng tuyệt đối có thể miễn trừ nghiệp báo cho bất kỳ ai. Đức Phật nhiều lần khẳng định con người là chủ nhân của nghiệp và là người thừa tự nghiệp của chính mình.

Đức Phật dạy: *"Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy"*. (Tăng Chi II, tr. 77)

Đây là một trong những tuyên ngôn quan trọng nhất của Phật giáo về quy luật nghiệp báo. Từ nguyên lý này, có thể thấy rằng việc hồi hướng công đức trong

Phật giáo không đồng nghĩa với sự xóa bỏ nghiệp lực một cách vô điều kiện. Công đức chỉ trở thành trợ duyên cho sự chuyển hóa khi hội đủ nhân duyên thích hợp. Bởi vậy, tinh thần của Vu Lan không phải là "xin tha tội" mà là khuyến khích con người tích lũy thiện nghiệp, thực hành hiếu đạo và hồi hướng công đức bằng đời sống đạo đức của chính mình.

Từ nỗi sợ đến chính kiến

Sự khác biệt giữa quan niệm "tháng cô hồn" và tinh thần Vu Lan thực chất phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau đối với đời sống tâm linh.

Nếu nhiều tập tục dân gian được xây dựng trên tâm lý tránh điều bất lợi và mong cầu sự bảo hộ từ các lực lượng siêu nhiên, thì Phật giáo hướng con người đến việc chuyển hóa chính mình thông qua giới, định, tuệ và thiện nghiệp. Đối tượng mà Phật giáo muốn chuyển hóa trước hết không phải là thế giới bên ngoài, mà là tham, sân, si trong mỗi con người. Vì vậy, tháng Bảy trong Phật giáo không phải là thời điểm để nuôi dưỡng nỗi sợ, mà là cơ hội để nuôi dưỡng lòng biết ơn, thực hành bố thí, cúng dường, báo hiếu, cầu siêu và mở rộng tâm từ đối với tất cả chúng sinh.

Nhìn từ góc độ đó, có thể nói rằng giá trị bền vững nhất của tháng Bảy không nằm ở những điều kiêng kỵ được lưu truyền trong dân gian, mà ở khả năng khơi dậy ý thức báo ân, trách nhiệm đạo đức và tinh thần hướng thiện của mỗi cá nhân. Đó cũng chính là thông điệp mà lễ Vu Lan đã gìn giữ trong truyền thống Phật giáo suốt hàng nghìn năm tại các quốc gia Đông Á.

Những ngộ nhận phổ biến về tháng bảy Âm lịch nhìn từ góc độ Phật giáo

Những quan niệm liên quan đến tháng Bảy Âm lịch hiện diện khá phổ biến trong đời sống xã hội Việt Nam. Có quan niệm xuất phát từ kinh nghiệm dân gian, có quan niệm hình thành trong quá trình tiếp biến văn hóa, nhưng cũng có không ít cách hiểu được lan truyền mà không có cơ sở trong kinh điển Phật giáo. Khi những yếu tố này không được phân biệt rõ, giáo lý nhà Phật dễ bị diễn giải theo hướng khác với tinh thần nguyên thủy.

Đồng nhất "tháng cô hồn" với tháng của Phật giáo

Đây có lẽ là ngộ nhận phổ biến nhất. Trong nhận thức của nhiều người, tháng Bảy Âm lịch được mặc nhiên gọi là "tháng cô hồn", từ đó dẫn đến suy nghĩ rằng đây cũng là cách nhìn của Phật giáo. Như đã phân tích, thuật ngữ "tháng cô

hồn" không xuất hiện trong kinh điển Phật giáo. Phật giáo chỉ ghi nhận những sự kiện như lễ Vu Lan, lễ Tự tứ và các pháp sự hồi hướng công đức cho người còn sống cũng như người đã mất.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Điều này cho thấy cần phân biệt giữa **một cách gọi mang tính dân gian** và **một khái niệm thuộc giáo lý**. Việc một thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong xã hội không đồng nghĩa với việc thuật ngữ ấy có nguồn gốc từ Phật giáo.

Quan niệm kiêng kỵ mọi việc trọng đại trong tháng Bảy

Một tập tục khác được lưu truyền khá rộng rãi là tránh cưới hỏi, xây dựng nhà cửa, khai trương, mua bán tài sản hoặc khởi đầu công việc lớn trong tháng Bảy vì lo ngại gặp điều bất lợi.

Từ góc độ văn hóa, đây là một dạng kiêng kỵ (taboo) thường gặp trong nhiều xã hội truyền thống. Các nhà nhân học cho rằng những điều cấm kỵ như vậy phản ánh nhu cầu thiết lập cảm giác an toàn trước những điều bất định của cuộc sống, hơn là dựa trên một cơ sở thực chứng.

Trong Phật giáo, không có bản kinh nào quy định tháng Bảy là thời gian cấm thực hiện các công việc trọng đại. Đức Phật không thiết lập lịch cát – hung theo tháng để quyết định hành vi của con người. Điều được nhấn mạnh trong kinh điển là **động cơ hành động, đời sống đạo đức và nghiệp của mỗi cá nhân**, chứ không phải sự may rủi gắn với một khoảng thời gian cố định.

Bởi vậy, việc lựa chọn thời điểm tiến hành một công việc có thể chịu ảnh hưởng của phong tục, truyền thống gia đình hoặc tập quán địa phương; tuy nhiên,

không nên xem đó là giáo lý Phật giáo.

Đốt nhiều vàng mã sẽ giúp người đã khuất nhận được nhiều lợi ích

Tục đốt vàng mã đã tồn tại lâu đời trong văn hóa Á Đông và tiếp tục được duy trì ở nhiều nơi. Không ít người cho rằng càng đốt nhiều thì người thân đã mất càng nhận được nhiều tài sản ở thế giới bên kia.

Tuy nhiên, giáo lý Phật giáo không xây dựng trên quan niệm chuyển giao tài sản vật chất giữa hai thế giới. Trong các kinh Nikāya cũng như Hán tạng, đức Phật đều nhấn mạnh việc tạo phước thông qua bố thí, trì giới, tu tập và hồi hướng công đức.

Đặc biệt, *Tirokudda Sutta* (Kinh Ngoài Bức Tường, thuộc Khuddakapāṭha và cũng được ghi trong *Petavatthu*) mô tả rằng người quá vãng chỉ có thể thọ hưởng khi người còn sống tạo các thiện nghiệp rồi hồi hướng công đức; bản kinh không đề cập đến việc đốt vàng mã như một phương thức cứu giúp người chết. Điều này cho thấy trọng tâm của Phật giáo là **phước đức**, chứ không phải **lễ vật tượng trưng**.

Cúng chúng sinh để tránh bị quấy phá

Trong thực hành tín ngưỡng dân gian, nhiều người quan niệm rằng nếu không cúng cô hồn thì sẽ gặp điều không may.

Phật giáo nhìn nhận vấn đề này theo một cách khác. Việc bố thí thức ăn hoặc thực hiện các nghi thức thí thực, nếu được tiến hành với tâm từ bi và hồi hướng bình đẳng, là một thiện hạnh. Tuy nhiên, nếu xuất phát từ tâm lý sợ hãi hoặc xem đó là sự "mua chuộc" các thế lực vô hình thì mục đích của hành động đã không còn phù hợp với tinh thần giáo pháp.

Điều đức Phật khuyến khích không phải là nuôi dưỡng nỗi sợ, mà là phát triển tâm từ, tâm bi và thực hành bố thí không phân biệt. Giá trị đạo đức của hành động vì thế được quyết định bởi tâm ý của người thực hiện, chứ không bởi sự chi phối của các quan niệm mang tính huyền bí.

Từ mê tín đến chính tín

Sự khác biệt căn bản giữa mê tín và chính tín không nằm ở việc có hay không có nghi lễ, mà nằm ở nền tảng nhận thức.

Trong kinh Kālāma Sutta, đức Phật khuyên người dân Kālāma không nên vội tin chỉ vì truyền thống, vì lời đồn, vì kinh điển hay vì uy tín của người nói; thay vào đó, cần quan sát, suy xét và trải nghiệm để nhận biết điều gì đưa đến lợi ích, điều gì đưa đến khổ đau. Mặc dù bối cảnh của bài kinh không trực tiếp nói về tháng Bảy âm lịch, nhưng tinh thần ấy là một nguyên tắc phương pháp luận quan trọng đối với mọi hình thức thực hành tín ngưỡng.

Từ góc nhìn đó, có thể nói rằng việc tôn trọng phong tục truyền thống là cần thiết, nhưng việc tiếp cận phong tục bằng chính kiến còn cần thiết hơn. Khi tín ngưỡng được soi sáng bởi trí tuệ, con người sẽ biết gìn giữ những giá trị nhân văn của truyền thống, đồng thời tránh rơi vào tâm lý lệ thuộc, sợ hãi hoặc thần bí hóa những hiện tượng vốn được hình thành trong một bối cảnh lịch sử nhất định.

Vai trò và trách nhiệm của người học Phật trong việc nhìn nhận và thực hành tháng Bảy Âm lịch

Trong bối cảnh xã hội đương đại, khi thông tin được lan truyền với tốc độ rất nhanh thông qua các nền tảng số, những quan niệm đúng và sai về Phật giáo cũng có điều kiện lan tỏa với phạm vi rộng chưa từng có. Chỉ trong một thời gian ngắn, một cách lý giải thiếu cơ sở hoặc một thông tin không được kiểm chứng có thể được lặp lại nhiều lần và dần trở thành nhận thức phổ biến. Điều đó đặt ra trách nhiệm không chỉ đối với các nhà nghiên cứu hay các cơ sở giáo dục Phật giáo, mà còn đối với mỗi người học Phật trong quá trình tiếp nhận, thực hành và truyền đạt giáo pháp.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Trước hết, người học Phật cần xây dựng nhận thức trên nền tảng **chính kiến (sammā-diṭṭhi)**. Trong Bát Chính đạo, chính kiến được đặt ở vị trí mở đầu bởi đây là điều kiện định hướng cho toàn bộ đời sống tu tập. Khi nhận thức đúng về giáo lý, người Phật tử sẽ biết phân biệt đâu là giáo pháp được xác lập trong kinh điển, đâu là tập tục văn hóa được hình thành trong lịch sử, và đâu chỉ là những quan niệm dân gian hoặc những diễn giải mang tính cá nhân.

Sự phân biệt này không nhằm phủ nhận các giá trị văn hóa truyền thống, mà nhằm tránh tình trạng lấy phong tục để thay thế giáo lý hoặc nhân danh Phật giáo để hợp thức hóa những thực hành không có căn cứ từ kinh điển.

Thứ hai, người học Phật cần có thái độ ứng xử phù hợp đối với tín ngưỡng dân gian. Trong một xã hội đa dạng về văn hóa và tôn giáo, việc tôn trọng các phong tục truyền thống là biểu hiện của tinh thần khoan dung và hòa hợp.

Sự tôn trọng ấy cần đi cùng với khả năng nhận diện bản chất của từng hiện tượng. Không nên cực đoan phủ nhận mọi tập tục dân gian, nhưng cũng không nên đồng nhất mọi tập tục với giáo lý Phật giáo. Giữ được sự cân bằng giữa thái độ tôn trọng văn hóa và sự trung thành với Chính pháp chính là biểu hiện của chính kiến trong đời sống thực tiễn.

Thứ ba, tháng Bảy Âm lịch cần được nhìn nhận như một cơ hội để thực hành các giá trị cốt lõi của Phật giáo hơn là nuôi dưỡng tâm lý sợ hãi. Nếu lễ Vu Lan nhắc nhở con người về đạo hiếu, thì lễ Tự tứ khẳng định giá trị của đời sống thanh tịnh và hòa hợp của Tăng đoàn; nếu nghi thức cầu siêu hướng đến việc hồi hướng công đức cho người đã khuất, thì các hoạt động từ thiện, bố thí và phóng sinh (được thực hiện đúng tinh thần Phật pháp và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như yêu cầu bảo vệ môi trường) lại mở rộng lòng từ đối với những chúng sinh đang hiện hữu.

Tất cả những thực hành ấy đều quy về việc chuyển hóa tự thân thông qua thiện nghiệp, chứ không phải tìm kiếm sự bảo đảm bằng các nghi thức mang tính cầu may hay hóa giải vận hạn.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông xã hội, trách nhiệm của người học Phật còn thể hiện ở việc góp phần xây dựng một môi trường thông tin trung thực về Phật giáo. Khi tiếp cận các nội dung liên quan đến tháng Bảy âm lịch, cần ưu tiên đối chiếu với kinh điển, các công trình nghiên cứu và các nguồn tư liệu có giá trị học thuật trước khi chia sẻ hoặc phổ biến. Một thái độ cẩn trọng trong việc kiểm chứng thông tin không chỉ góp phần hạn chế sự lan truyền của những quan niệm sai lệch, mà còn thể hiện tinh thần tôn trọng sự thật, một phẩm chất phù hợp với truyền thống học Phật.

Ở một phương diện rộng hơn, việc phân biệt giữa tín ngưỡng dân gian và giáo lý Phật giáo không nhằm tạo ra ranh giới đối lập giữa các truyền thống văn hóa, mà góp phần nhận diện đúng giá trị của từng hệ thống. Tín ngưỡng dân gian có giá trị lịch sử và nhân học của nó; Phật giáo có hệ thống triết lý, đạo đức và con đường tu tập của riêng mình. Khi mỗi truyền thống được hiểu đúng trong bối cảnh hình thành và phát triển, sự đa dạng văn hóa sẽ trở thành nền tảng của đối thoại và bổ sung, thay vì là nguyên nhân của những ngộ nhận kéo dài.

Nhìn từ góc độ ấy, tháng Bảy Âm lịch không nên chỉ được ghi nhớ như "tháng cô hồn" hay mùa của những điều kiêng kỵ. Giá trị bền vững của tháng Bảy trong Phật giáo nằm ở việc khơi dậy đạo hiếu, nuôi dưỡng lòng tri ân, thực hành bố thí, tích lũy thiện nghiệp và hồi hướng công đức. Đó không chỉ là những nghi lễ mang tính tôn giáo, mà còn là những giá trị đạo đức có ý nghĩa lâu dài đối với đời sống gia đình, cộng đồng và xã hội.

Chính sự thực hành ấy mới là cách thiết thực để người học Phật góp phần giữ gìn Chính pháp, đồng thời phát huy những giá trị nhân văn tốt đẹp của văn hóa dân tộc trong bối cảnh hiện đại.

Kết luận

Tháng Bảy Âm lịch là một hiện tượng văn hóa có cấu trúc đa tầng, nơi nhiều truyền thống tín ngưỡng và tôn giáo cùng hiện diện trong một không gian lịch thời. Chính quá trình giao lưu, tiếp biến và bản địa hóa kéo dài qua nhiều thế kỷ đã làm cho các yếu tố thuộc tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo và Phật giáo đan xen với nhau, tạo nên những lớp nghĩa phong phú nhưng cũng dẫn đến không ít ngộ nhận trong nhận thức của cộng đồng. Vì vậy, việc đồng nhất "tháng cô hồn", "xá tội vong nhân" và lễ Vu Lan như những khái niệm có cùng nguồn gốc là một cách hiểu chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh lịch sử cũng như nền tảng tư tưởng của từng truyền thống.

Từ góc độ nghiên cứu văn hóa, "tháng cô hồn" là một hiện tượng thuộc tín ngưỡng dân gian, phản ánh thế giới quan và đời sống tâm linh của cư dân nông nghiệp Đông Á trước những vấn đề về sinh tử, tổ tiên và các lực lượng siêu nhiên. Trong khi đó, quan niệm "xá tội vong nhân" chủ yếu gắn với hệ thống tín ngưỡng Tam Quan của Đạo giáo và lễ Trung Nguyên trong văn hóa Trung Hoa. Khi du nhập vào Việt Nam, những yếu tố này tiếp tục hòa quyện với tín ngưỡng bản địa và các thực hành nghi lễ của cộng đồng, hình thành nên diện mạo văn hóa đặc trưng của tháng Bảy Âm lịch.

Đối với Phật giáo, tháng Bảy mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Trọng tâm của mùa Vu Lan không phải là nỗi sợ hãi trước thế giới vô hình, cũng không phải là

niềm tin vào một sự ân xá mang tính siêu nhiên, mà là sự khơi dậy đạo hiếu, tinh thần tri ân và báo ân, sự hộ trì Tam bảo, cũng như việc thực hành bố thí, cúng dường và hồi hướng công đức trên nền tảng nhân quả và nghiệp báo. Từ góc nhìn ấy, tháng Bảy trở thành thời điểm để mỗi người nhìn lại chính mình, nuôi dưỡng các giá trị đạo đức và chuyển hóa đời sống nội tâm, thay vì bị chi phối bởi tâm lý bất an hoặc những quan niệm mang màu sắc huyền bí.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi thông tin về tôn giáo được lan truyền với tốc độ nhanh và không phải lúc nào cũng được kiểm chứng, việc phân biệt giữa phong tục, tín ngưỡng và giáo lý trở thành một yêu cầu quan trọng đối với cả giới nghiên cứu lẫn cộng đồng Phật tử. Điều này không nhằm phủ nhận giá trị của các truyền thống văn hóa dân gian, mà để mỗi hiện tượng được nhìn nhận đúng trong bối cảnh lịch sử và hệ quy chiếu tư tưởng của nó. Chỉ trên nền tảng nhận thức đúng đắn ấy, việc bảo tồn di sản văn hóa mới có thể song hành với việc giữ gìn sự trong sáng của chính pháp.

Tháng Bảy Âm lịch vì thế không chỉ là một dấu mốc trong chu kỳ lễ tục truyền thống, mà còn là dịp để suy ngẫm về mối quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo, giữa truyền thống và giáo lý, giữa niềm tin và trí tuệ. Khi được tiếp cận bằng chính kiến và tinh thần khoa học, tháng Bảy không còn là "tháng của nỗi sợ", mà trở thành mùa của hiếu hạnh, của lòng tri ân và của sự hướng thiện. Đó cũng chính là giá trị bền vững mà Phật giáo đã đóng góp cho đời sống văn hóa Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc.

Tác giả: **Ngô Minh Chương**